

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 31-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Hữu Bình;
- Ông Đinh Quang Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 551/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trang Cần H, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Số 126, đường Thống Nh, khu phố A, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình D.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Số 334/8 đường 13/3, khu phố A1, thị trấn Dầu T, huyện Dầu T1, tỉnh Bình D.

Nguyên đơn (ông H), bị đơn (bà M) có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023, bản tự khai ngày 11 tháng 10 năm 2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông H) trình bày: Ông H và bà M có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội nên khi bà M đến nhà ông H hỏi mượn tiền để làm vốn làm ăn. Do tin tưởng bà M nên ông H đồng ý cho bà M mượn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Khi ông H cho bà M mượn tiền, ông H yêu cầu bà M ký tên vào giấy

mượn tiền ngày 10/5/2022, thời hạn bà M thanh toán lại cho ông H vào ngày 10/3/2023, ông H không có tính lãi suất. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời gian thanh toán tiền lại cho ông H nhưng bà M vẫn không thực hiện.

Vì vậy, ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) một lần cho ông H, ông H không yêu cầu tính lãi suất.

- *Chứng cứ nguyên đơn (ông H) cung cấp gồm:* Đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy mượn tiền ngày 10/5/2022. Ngoài ra, nguyên đơn (ông H) không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

* *Bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn (bà M) trình bày:* Khoảng năm 2020, bà M có mượn của ông H số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 10/5/2022 ông H yêu cầu bà M ký lại giấy mượn tiền đối với số tiền trên. bà M xác nhận chữ ký tên, chữ viết họ và tên, dấu vân tay trong giấy mượn tiền ngày 10/5/2022 do ông H cung cấp cho Tòa án là chữ ký tên, chữ viết họ và tên, dấu vân tay là của bà M nên bà M không yêu cầu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Tuy nhiên, tính đến nay bà M đã trả cho ông H được số tiền 79.200.000 đồng (bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) bằng việc chuyển khoản và trả tiền mặt cho ông H; cụ thể gồm: Số tiền chuyển khoản: Ngày 06/4/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 06/5/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 04/6/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 05/7/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung (Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 06/8/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 900.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 06/8/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 1.000.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 09/8/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 500.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 05/9/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tra no); tháng 10/2022 bà M chuyển khoản cho ông Huy số tiền 2.400.000 đồng (không có thông tin chuyển khoản); ngày 05/11/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien); ngày 16/12/2022 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); tháng 01/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (không có thông tin chuyển khoản); ngày 08/02/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Co M chuyen tien lai T2); ngày 10/3/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (chuyen tien

tra no t3); ngày 10/4/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng ((nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no t4); ngày 10/5/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng ((nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 09/6/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien tra no); ngày 08/7/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien no t7); ngày 10/8/2023 bà M chuyển khoản cho ông H số tiền 2.400.000 đồng (nội dung Nguyen Ngoc M chuyen tien lai). Tổng số tiền bà M chuyển khoản cho ông H là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm ngàn đồng) và số tiền mặt 16 tháng bà M đã đưa trực tiếp cho ông H là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) (nhưng không có chứng cứ hay biên nhận của ông H). Tổng cộng bà M đã trả cho ông H số tiền 79.200.000 đồng (bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng). Hiện nay, bà M chỉ còn nợ ông H số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), bà M không đồng ý trả cho ông H số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), bà M chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) mà bà M còn nợ của ông H theo giấy mượn tiền ngày 10/5/2022.

- *Chứng cứ bị đơn (bà M) cung cấp gồm:* Bản tự khai, hai bản sao kê ngân hàng. Ngoài ra, bị đơn (bà M) không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại khu phố A1, huyện Dầu T, tỉnh Bình D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn cho bị đơn mượn tiền vào ngày 10/5/2022 số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 10/3/2023, không thể hiện lãi suất. Đến nay, đã quá thời hạn thanh toán tiền mượn lại cho nguyên đơn, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn không thanh toán mà bị đơn cố tình né tránh, không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) một lần, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn cho rằng khoảng năm 2020, bị đơn có mượn tiền của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nhưng đến ngày 10/5/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký lại giấy mượn tiền với số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán lại cho nguyên đơn vào ngày 10/3/2023. Bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên, dấu vân tay điểm chỉ trên giấy mượn tiền ngày 10/5/2022 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ ký tên, chữ viết họ và tên, dấu điểm chỉ của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn được tổng số tiền 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm ngàn đồng) và số tiền mặt 16 tháng bị đơn đã đưa trực tiếp cho nguyên đơn là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Tổng cộng bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 79.200.000 đồng (bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng). Hiện nay, bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “giấy mượn tiền ngày 10/5/2022”, có chữ ký tên, chữ viết họ và tên, dấu vân tay của bị đơn thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch cho vay, mượn tiền.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) vào ngày 10/5/2022. Đồng thời, bị đơn cũng đã thừa nhận đó là chữ ký tên, chữ viết họ và tên, dấu vân tay của bị đơn trong giấy mượn tiền nêu trên. Vì vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, bị đơn thừa nhận là có giá trị chứng minh. Đối với ý kiến trình bày của bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 79.200.000 đồng (bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng); cụ thể: Bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn được tổng số tiền 40.800.000 đồng

(bốn mươi triệu tám trăm ngàn đồng) thông qua hình thức chuyển khoản cho nguyên đơn, nhưng trong quá trình Tòa án làm việc nguyên đơn không thừa nhận đó là số tiền mà bị đơn trả cho nguyên đơn của khoản tiền vay 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) mà đó là tiền mua bán điện thoại đi động từ nhiều năm trước. Đối với số tiền mà bị đơn cho rằng đã đưa trực tiếp cho nguyên đơn tổng cộng là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), nguyên đơn cũng không thừa nhận đã nhận của bị đơn. Đồng thời, ngày 13/11/2023, Tòa án cũng ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ 40/2023/QĐ-CCTLCC đối với bị đơn và cũng đã tổng đạt cho bị đơn ngày 13/11/2023 nhưng đến nay bị đơn chỉ giao nộp cho Tòa án hai bản sao kê ngân hàng, căn cứ vào hai bản sao kê mà bị đơn cung cấp thể hiện lần đầu bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn vào ngày 06/4/2022 (chuyển khoản trước ngày bị đơn mượn tiền ngày 10/5/2022), lần cuối cùng là ngày 10/8/2023 (chuyển khoản sau ngày thanh toán nợ là ngày 10/3/2023) là không phù hợp với giấy mượn tiền ngày 10/5/2022. Bởi lẽ, theo giấy mượn tiền ngày 10/5/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận trả dần hàng tháng. Đối với số tiền mặt là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) đến nay bị đơn vẫn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền này. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ ý kiến trình bày của bị đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) thanh toán cho nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của nguyên đơn ông Trang Cần H đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc M.

Buộc bà Nguyễn Ngọc M thanh toán cho ông Trang Cần H số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/01/2024) cho đến khi thi hành án xong, kể từ ngày ông Trang Cần H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Ngọc M không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Ngọc M còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Ngọc M phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

- Hoàn trả cho ông Trang Cần H số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009586 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 31/01/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Liêm

Lê Xuân Hiếu

Lê Long Ty